

Bản án số: 460/2019/DS-PT

Ngày: 29 - 11 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Đình Chí T1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/11/2019 và 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử P thẩm công khai vụ án thụ L số 294/2019/TLPT-DS ngày 28/5/2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 454/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị S là: Bà Nguyễn Kim M, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2015).

- *Bị đơn:* Đặng Văn H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978;

2. Đặng Văn L, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đặng Văn M, sinh năm 1950;

4. Nguyễn Thị T, sinh năm 1948;

5. Đặng Thị C, sinh năm 1983;

6. Đặng Văn L1, sinh năm 1989;

7. Đặng Văn Ú H2, sinh năm 1991;

8. Đặng Văn Ú K, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9. Nguyễn Thị B, sinh năm 1954;

10. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956;

12. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971;

13. Nguyễn Thị P, sinh năm 1973;

14. Nguyễn Văn D sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

15. Nguyễn Kim M1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T1 là: Bà Nguyễn Kim M1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019).

- *Người kháng cáo: Anh Đặng Văn H là bị đơn trong vụ án.*

(Có mặt bà Nguyễn Kim M1, anh Đặng Văn H, ông Đặng Văn M, anh Đặng Văn Ú H2 và anh Đặng Văn Ú K. Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà (Là cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Nguyễn Thị Ú) cho bà diện tích khoảng 5.000m² từ trước năm 1990. Đến năm 1990 cụ Ú lấy khoảng 3.000m² cho ông Mun, diện tích còn lại khoảng 2.000m². Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà đi làm ăn xa không có điều kiện canh tác nên đất bỏ trống. Lúc này hộ ông M và anh H bao chiếm diện tích 2.000m² sử dụng đến nay, (Đo thực tế 1.385,5m²), thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 03, tại ấp Mỹ Phú C, xã Mỹ An, huyện Tháp Mười. Vì vậy, bà yêu cầu hộ ông H, hộ ông M trả lại cho bà diện tích 1.385,5m² đất nêu trên.

- Bị đơn anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị H1, Đặng Văn L trình bày:

Diện tích 1.385,5m² đất, thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 03, tại ấp M, xã A, huyện T mà bà S tranh chấp có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị B (Mười B) chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ngh vào đầu năm 1985 giá 45 gia lúa. Năm 1988 ông Ngh chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị S giá 65 gia lúa. Bà S không sử dụng đất nên chuyển nhượng lại cho ông Đặng Văn M (Cha anh H) giá 70 gia lúa. Sau khi chuyển nhượng đất ông M cho anh H sử dụng từ năm 1988 đến nay.

Vì vậy, không đồng ý trả lại diện tích 1.385,5m² đất, thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 03, tại ấp Mỹ Phú C, xã Mỹ An, huyện Tháp Mười theo yêu cầu của bà S.

- Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan Ông Đặng Văn M, bà Nguyễn Thị T, chị Đặng Thị C, anh Đặng Văn L1, anh Đặng Văn Ú H2 và anh Đặng Văn Ú K trình bày:

Phần đất có diện tích chiều ngang 36m, dài 39m (Đo thực tế 1.385,5m²), thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 03, tại ấp Mỹ Phú C, xã Mỹ An, huyện Tháp Mười có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị B làm chủ đến 1985 thì chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ngh giá 45 gia lúa. Năm 1988 ông Ngh chuyển nhượng cho bà Trần Thị S giá 65 gia lúa. Bà S không sử dụng đất nên chuyển nhượng lại cho ông Đặng Văn M giá 70 gia lúa. Sau khi chuyển nhượng ông M cho con là anh H sử dụng ổn định từ năm 1988 cho đến nay không có ai tranh chấp. Do đó, không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S yêu cầu anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị H1, Đặng Văn L, ông Đặng Văn M, bà Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Ú H2, Đặng Văn Ú K trả lại diện tích 1.385,5m², đất (L), tờ bản đồ số 3, thửa số 541, tọa lạc: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có sơ đồ mảnh Trch đo địa chính số 92-2015 ngày 19/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T kèm theo)

- Anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị H1, Đặng Văn L, ông Đặng Văn M, bà Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Ú H2, Đặng Văn Ú K phải trả lại bà Trần Thị S diện tích 1.385,5m², đất (L), tờ bản đồ số 3, thửa số 541, tọa lạc: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tứ cận như sau:

Ngang giáp kênh thủy lợi từ mốc 7 đến mốc 9 là 34,78 mét. Mốc 9 cách mốc 1 là 1,17 mét và mốc 1 cách gốc nhà 13,05 mét; mốc 7

Ngang giáp thửa 542 từ mốc 2 đến mốc 3 là 38,02 mét. Mốc 2 cách gốc nhà 15,66 mét và cách cây xoài 35,65 mét; mốc 3 cách cây xoài 19,45 mét và mốc 3 cách cây cóc 17,85 mét;

Dài giáp thửa 944 từ mốc 9 đến mốc 1 là 1,17 mét và từ mốc 01 đến mốc 2 là 37,23 mét;

Dài giáp thửa 539 từ mốc 7 đến mốc 6 là 6,3 mét và giáp thửa 539, thửa 540 từ mốc 6 đến mốc 3 là 31,55 mét;

Anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị H1, Đặng Văn L, ông Đặng Văn M, bà Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Ú H2, Đặng Văn Ú K phải có Ngh vụ di dời hoặc chặt, đốn... các cây lâu năm gồm 03 cây bạch đàn có bề hoành gốc 1,4 mét, 01 cây bạch đàn có bề hoành gốc 0,6 mét, 01 cây gáo có bề hoành gốc 1,5 mét và 01 cây gáo có bề hoành gốc 0,8 mét trong diện tích 1.385,5m², đất (L), tờ bản đồ số 3, thửa số 541, tọa lạc: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, để trả đất lại cho bà S.

(Có sơ đồ mảnh Trch đo địa chính số 92-2015 ngày 19/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T kèm theo).

- Bà Trần Thị S phải bồi thường cây ăn trái cho anh Đặng Văn H, chị Nguyễn Thị H1 số tiền 4.840.000đồng.

Kể từ ngày anh H, chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bà S chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Bà Trần Thị S được sở hữu 03 (ba) cây dừa L1ại A, 03 (ba) cây mít L1ại A, 01 cây xoài L1ại A, 01 cây cóc loại A, trồng trên diện tích 1.385,5m², đất (L), tờ bản đồ số 3, thửa số 541, tọa lạc: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trần Thị S phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 1.385,5m², đất (L), tờ bản đồ số 3, thửa số 541, tọa lạc: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo luật định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, Nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/01/2019 anh Đặng Văn H là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số 89/2018/DS-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện T do vi phạm nghiêm trọng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung. Chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao xác minh làm rõ dấu hiệu của tội ra bản án, quyết định trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H cho rằng do mình không biết chữ nên nhờ người khác làm đơn kháng cáo dùm, anh không hiểu yêu cầu ghi trong đơn kháng cáo. Vì vậy, anh xác định lại yêu cầu kháng cáo của anh là không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà S, giữ nguyên cho anh được tiếp tục sử dụng diện tích 1.385,5m², đất thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp M, xã A, huyện T.

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Văn H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Diện tích 1.385,5m² đất thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 03, tại ấp M, xã A, huyện T hiện bà Trần Thị S tranh chấp với hộ anh Đặng Văn H và hộ ông Đặng Văn M. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đất có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị Ú (Mẹ bà S) cho bà S sử dụng trước năm 1990.

Năm 1990 bà S đi làm ăn xa không có điều kiện sử dụng đất, cũng trong thời gian này hộ ông Đặng Văn M (Cha của anh H) có hợp đồng cầm cố đất diện tích 3.034m², thuộc thửa số 542, tờ bản đồ số 3, tại ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với cụ Nguyễn Thị Ú (Theo bản án số: 05/2012/DSPT ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) nhưng ông M không sử dụng đất mà cho lại hộ anh H sử dụng và bao chiếm sử dụng luôn phần đất tranh chấp diện tích 1.385,5m², thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 03 của bà S liền ranh với thửa 542 mà cụ Ú cầm cố cho ông M đến nay.

[2] Ông Đặng Văn M, anh Đặng Văn H cho rằng vào năm 1990 bà S chuyển nhượng cho ông M diện tích đất tranh chấp với giá 70 gia lúa và ông M cho lại anh H là không phù hợp. Bởi vì, bà S không thừa nhận có chuyển nhượng đất cho ông M. Ông M và anh H cũng không có chứng cứ để chứng minh diện tích đất tranh chấp bà S đã chuyển nhượng cho ông M. Mặt khác, trong suốt quá trình sử dụng đất anh H cũng không đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Ngược lại theo Xác nhận ngày 10/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã A thì thửa đất tranh chấp bà S đứng tên trong sổ mục kê.

Do đó, bà Trần Thị S yêu cầu hộ anh H, hộ ông M trả lại diện tích 1.385,5m² là có căn cứ.

[3] Tuy nhiên, do trên đất anh H có trồng một số loại cây ăn trái mà nếu di dời sẽ làm ảnh hưởng đến giá trị của cây nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà S được sở hữu và phải trả lại giá trị cây cho anh H, chị H1. Các loại cây còn lại phải di dời để trả lại đất cho bà S là phù hợp.

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 26/11/2019 và Biên bản họp hội đồng định giá ngày 05/4/2016 thì giá trị cây ăn trái trên đất hiện còn giao cho bà S được sở hữu gồm: 04 cây dừa loại A, giá 560.000đ/cây x 04cây = 2.240.000đ; 03 cây mít loại A, giá 420.000đ/cây x 03cây = 1.260.000đ; 01 cây xoài loại A, giá 1.600.000đ/cây; 01 cây cóc loại A, giá 300.000đ/cây. Tổng cộng là 5.400.000 đồng.

Các cây và cá trong ao còn lại theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 26/11/2019 thì hộ anh H và hộ ông M phải có Ngh vụ di dời để trả lại đất cho bà S.

Do có sự thay đổi về tài sản có trên đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 26/11/2019 so với bản án sơ thẩm như tăng thêm 01 cây dừa đang cho trái, dừa, mít, trám bầu, chuối mới trồng... nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này để giải quyết cho đúng với thực tế.

[4] Đối với phần đất đường nước diện tích 95,2m² mà bà S tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết và bà S cũng không có kháng cáo nên Tòa án cấp P thẩm không thể xem xét giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Văn H.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.
3. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S.
4. Buộc hộ anh Đặng Văn H (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị H1, Đặng Văn L) và hộ ông Đặng Văn M (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Văn Ú H2, Đặng Văn Ú K) phải trả lại cho bà Trần Thị S diện tích 1.385,5m² đất, thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có vị trí như sau:
 - + Ngang giáp kênh thủy lợi từ mốc 7 đến mốc 9 là 34,78 mét;
 - + Ngang giáp thửa 542 từ mốc 2 đến mốc 3 là 38,02 mét;
 - + Dài giáp thửa 944 từ mốc 9 đến mốc 1 là 1,17 mét và từ mốc 01 đến mốc 2 là 37,23 mét;
 - + Dài giáp phần đất tranh chấp ranh diện tích 95,2m², từ mốc 7 đến mốc 6 là 6,3 mét và từ mốc 6 đến mốc 3 là 31,55 mét;
5. Giao cho bà Trần Thị S được quyền sử dụng diện tích 1.385,5m² đất, thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp Mỹ Phú C, xã Mỹ An, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nêu trên.
6. Buộc hộ anh Đặng Văn H (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị H1, Đặng Văn L) và hộ ông Đặng Văn M (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Văn Ú H2, Đặng Văn Ú K) phải di dời các tài sản gồm: 02 cây gáo lớn đường kính từ 25cm – 40cm; 13 cây dừa nhỏ mới trồng; 02 cây bạch đàn nhỏ đường kính từ 05cm – 10cm, 04 cây bạch đàn lớn đường kính từ 25cm – 40cm; 19 cây trâm bầu nhỏ đường kính từ 05cm – 10cm; 04 cây mít nhỏ mới trồng; 01 cây mần cầu nhỏ; 37 cây chuối; toàn bộ cá

trong ao (nếu có) trong diện tích 1.385,5m² đất thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp Mỹ Phú C, xã Mỹ An, huyện T để trả lại đất cho bà S.

7. Buộc hộ anh Đặng Văn H (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị H1 và Đặng Văn L) và hộ ông Đặng Văn M (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Văn Ú H2 và Đặng Văn Ú K) phải giao cho bà Trần Thị S được sở hữu 04 cây dừa lớn, 03 cây mít lớn, 01 cây cóc lớn, 01 cây xoài lớn tất cả đều đang cho trái (L1ại A) trồng trên diện tích 1.385,5m² đất thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp M, xã A, huyện T.

8. Bà Trần Thị S được sở hữu 04 cây dừa lớn, 03 cây mít lớn, 01 cây cóc lớn, 01 cây xoài lớn tất cả đều đang cho trái (L1ại A) trồng trên diện tích 1.385,5m² đất thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp Mỹ Phú C, xã Mỹ An, huyện Tháp Mười. Bà Trần Thị S phải trả giá trị cây cho anh Đặng Văn H và chị Nguyễn Thị H1 số tiền 5.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Bà Trần Thị S được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 1.385,5m², thuộc thửa số 541, tờ bản đồ số 3, tại ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo luật định.

(Kèm theo phụ lục mảnh trích đo địa chính số 92-2015 ngày 19/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 26/11/2019).

10. Về chi phí xem thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Anh Đặng Văn H và chị Nguyễn Thị H1 liên đới chịu 3.957.000 đồng. Do bà S tạm nộp tạm ứng trước nên anh H và chị H1 liên đới trả lại bà S số tiền 2.457.000 đồng. Số còn lại 1.500.000 đồng anh H đã nộp xong.

11. Về án phí:

- Hộ anh Đặng Văn H (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị H1 và Đặng Văn L) và hộ ông Đặng Văn M (Các T viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị T, Đặng Thị C, Đặng Văn L1, Đặng Văn Ú H2 và Đặng Văn Ú K) liên đới chịu 3.810.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 300.000 đồng

tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0007622 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Số còn lại phải nộp tiếp là 3.510.000 đồng.

- Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 031900 ngày 28/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà S được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.950.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt